

Bản án số: 38/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 17/9/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trương Thị Hương;

2/ Bà Trần Thị Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST- HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 16/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 125/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 2, xã Eatu, thành phố B tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn M, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2023 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc T yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải được nên từ năm 2021 anh chị ly thân, trong thời gian này anh T không làm tròn trách nhiệm của một người cha, không chu cấp tiền cho chị nuôi con. Vì vậy, chị không muốn duy trì cuộc

sống hôn nhân với anh T được nữa nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đ cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị L trình bày trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị có 01 con chung Trần Tú D, sinh ngày 11/01/2019, hiện nay chị đang nuôi con, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Phạm Ngọc T: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa, không trình bày ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật; riêng bị đơn thực hiện không đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX cho chị L được ly hôn anh T về con chung: Giao con chung Trần Tú D, sinh ngày 11/01/2019, cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn Phạm Ngọc T; cư trú tại: Thôn M, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đ.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là anh Phạm Ngọc T các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 175 và Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù, anh T biết Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn mà anh là bị đơn nhưng anh vắng mặt và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh. Anh T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Phạm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên

tòa. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Phạm Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2018. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L: Chị L cho rằng cuộc sống hôn nhân của chị và anh T không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nên từ năm 2021 anh chị ly thân, phần ai nấy sống, anh T không có trách nhiệm gì với con. Chị L yêu cầu ly hôn nhưng anh T không đến Tòa và không có ý kiến gì, có ý bỏ mặc ... Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh T và chị L đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị L trình bày trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị có 01 con chung Trần Tú D, sinh ngày 11/01/2019; khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. HĐXX xét thấy: Chị L đang nuôi con ổn định; anh T không có ý kiến về phần con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao con Trần Tú D, sinh ngày 11/01/2019 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là hợp pháp và hợp lý.

Về cấp dưỡng cho con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày đều không có, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, chị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng nên được khấu trừ xong.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 235, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Trần Thị L được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Tú D, sinh ngày 11/01/2019 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001758 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đ;
- Chi cục THADS thị xã Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Eatu, T.p B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

**Các thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

